

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 27 – 6 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**.

Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Trang**

Bà **Nguyễn Thị Lành**

Ông **Lâm Hải Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký TAND tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Văn Tâm** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS, ngày 13 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Mai Hữu T, sinh ngày 23/12/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: số 205/1 Tổ G, khu phố H, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Mai Hữu N và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2023 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Lưu Tú L, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: số B đường C, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nữ; dân tộc: Hoa; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lưu Văn N1 (chết) và bà Trương Kim T2; bị cáo chưa có chồng con; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị Thùy D, sinh ngày 19/12/1989 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi thường trú: số B đường C, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay:

Số I đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: mua bán; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng Lê Hoàng Đ (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Nguyễn Văn T3 – Luật sư của Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V bào chữa chỉ định cho bị cáo Mai Hữu T. (Có mặt).
2. Ông Trần Ngọc T4 – Luật sư của Công ty L5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V bào chữa chỉ định cho bị cáo Lưu Tú L. (Có mặt).
3. Ông Lê Tiến D1 – Luật sư của Công ty L6 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Thị Thùy D. (Có mặt).
4. Ông Ung Văn H1 – Luật sư của Công ty L7 chi nhánh V1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thùy D. (Có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Hoàng T5, sinh năm 1988 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp Tân Thành, xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
2. Phạm Văn D2, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.
3. Hồ Thanh H2, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.
4. Võ Thị Mỹ T6, sinh năm 1982 (Có mặt).
Nơi cư trú: Số B, đường L, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974 (Có mặt).
Nơi cư trú: Số 205/1, khu phố Hưng Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Lý Kim L1, sinh năm 1986 (Có mặt).
Nơi cư trú: Số B, khu phố H, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2020, Mai Hữu T, Lê Thị Thùy D tham gia bán hàng Onlien do Lưu Tú L làm chủ hoạt động tại số A, đường T, phường B, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức mua hàng trúng thưởng, L giao nhiệm

vụ cho Lê Thị Thùy D lên mạng xã hội tìm mua thông tin khách hàng có mua hàng điện tử, đồ gia dụng tại các cửa hàng Đ2, thế giới di động... đưa cho L chuẩn bị nội dung rồi chuyển cho T điện thoại yêu cầu họ mua sản phẩm trúng thưởng.

Cuối năm 2021 do dịch C bùng phát Mai Hữu T về sống ở tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đến tháng 03/2022 T điện thoại cho Lê Thị Thùy D kêu cung cấp danh sách khách hàng để lừa đảo, nếu lừa được tiền một người sẽ chia cho D 5.000.000đ. D đồng ý gửi danh sách 08 (tám) khách hàng tiềm năng (có nhiều tiền), trong đó có Nguyễn Hoàng T5, Phạm Văn D2 rồi kêu T liên hệ chị L để đi bước tiếp theo; T điện thoại cho L hỏi “chị bán gì cho anh T5 rồi”, L nói “ sao em biết anh T5”, T nói “ chị D cung cấp cho em”, L nói “ bán cho anh được 03 sản phẩm; bước tiếp theo phải giả danh nhân viên ngân hàng làm lại hồ sơ nhận thưởng”. L dùng số điện thoại 0582691775 gọi cho T5 tự xưng là Trần Thị Mỹ H3 là giám đốc Ngân hàng A chi nhánh thành phố H hứa giúp anh làm hồ sơ để nhận lại số tiền 968.000.000đ (gồm xe SH, ngôi nhà thông minh) việc này có “ Lê Văn L2 trợ lý tôi giúp anh làm lại hồ sơ” đồng thời đưa số thuê bao 0582691775 cùng máy đổi giọng (từ nam sang nữ và ngược lại) cho T trực tiếp liên lạc với anh T5. Sau khi L2 điện thoại cho anh T5 xong thì T dùng điện thoại số 0786966368 và máy đổi giọng yêu cầu anh T5 đóng các khoản tiền làm hồ sơ như: Hợp đồng ủy quyền, hồ sơ tất toán, nhận mã OTP, đóng quỹ bảo hiểm C, sửa tên hợp đồng nhận thưởng, hợp đồng thu hồi sản phẩm và chuyển tiền vào tài khoản số 0181003598606 (Ngân hàng V2) và tài khoản số 060052483983 (Ngân hàng S1); cũng trong thời gian này T có nhờ D điện thoại thúc anh T5 chuyển tiền nhưng do công việc D không có thực hiện. Do tin tưởng lời hứa của T cho nên từ ngày 09/4/2022 đến ngày 22/01/2023 anh T5 đã chuyển 74 lần số tiền 917.064.000 đồng, sau khi nhận được tiền T chia cho Lưu Tú L số tiền 100.000.000đ cho Lê Thị Thùy D 15.000.000đ số tiền còn lại tiêu xài cá nhân.

Do không nhận được tiền, biết mình bị lừa đảo, Nguyễn Hoàng T5 làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

Ngoài ra Mai Hữu T còn thực hiện 03 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng tháng 03/2022 T thấy khách hàng Phạm Văn D2 ở Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đã bị đối tượng khác lừa đảo bằng hình thức bán sản phẩm trúng thưởng 01 căn hộ trị giá 900.000.000đ nên T dùng điện thoại số 0786966368 điện cho anh D2 tự xưng là Thanh Hoàng M là giám đốc công ty

S2 tại tỉnh Vĩnh Long nói “ tiền trúng thưởng của anh đã bị kế toán trưởng tên Lê Trí T7 lấy tiền bỏ trốn” hứa giúp anh làm lại hồ sơ để nhận số tiền 1.720.000.000đ, yêu cầu anh đóng các loại phí vào 02 số tài khoản 0181003598606, 060052483983; sau đó anh D2 đã chuyển nhiều lần với số tiền 86.000.000 đồng nhưng không nhận được tiền; biết mình bị lừa nên anh D2 làm đơn tố giác đến Công an tỉnh H.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng năm 2020 Mai Hữu T cùng Nguyễn Thanh Đ1 (chưa rõ nhân thân) tự xưng là công ty Đ3 thông báo anh Hồ Thanh H2 ở Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai trúng thưởng điện thoại di động và T8, yêu cầu anh mua sản phẩm để nhận thưởng, anh đã mua 32 sản phẩm do L, D đóng gói gửi qua đường bưu điện (COD) với tổng số tiền 120.854.000đ. Đến khoảng tháng 6/2022 T dùng số điện thoại của mình 0786966368 gọi cho anh H2 tự xưng là Ngọc H4 là nhân viên ngân hàng hứa giúp anh làm lại hồ sơ để nhận số tiền 700.000.000đ; yêu cầu anh H4 phải đóng các loại phí chuyển tiền vào số tài khoản 0181003598606, 060052483983, anh H4 đã chuyển nhiều lần số tiền 7.500.000 đồng nhưng không nhận được tiền, biết mình bị lừa đảo nên anh H4 trình báo đến Công an huyện C, tỉnh Gia Lai.

Vụ thứ ba:

Vào khoảng cuối năm 2020 chị Võ Thị Mỹ T6 ở số B, đường L, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai bị đối tượng tên “N2” (không rõ nhân thân) là nhân viên công ty H5 gọi thông báo chị trúng thưởng T8, xe SH và ngôi nhà thông minh trị giá 800.000.000đ, yêu cầu chị nhận sản phẩm như đồ điện và thực phẩm chức năng; qua nhiều lần nhận sản phẩm, trả số tiền 178.800.000đ nhưng chưa được nhận thưởng. Đến tháng 06/2022 Mai Hữu T dùng máy đổi giọng gọi cho chị T6 tự xưng là Phương L3 giám đốc công ty S3 nói “ N2 đã trục lợi tiền công ty nên bị đuổi việc, hồ sơ của chị chuyển qua công ty S3” hứa giúp chị làm lại hồ sơ để nhận số tiền 800.000.000đ. Sau đó T dùng số điện thoại 0786966368 gọi cho chị T6 thông báo hồ sơ của chị đã chuyển qua ngân hàng làm thủ tục cho chị nhận số tiền 2.368.000.000đ và yêu cầu chị đóng các loại phí vào tài khoản 0181003598606; sau đó chị T6 đã chuyển nhiều lần với số tiền 316.170.000 đồng nhưng không được nhận thưởng biết mình bị lừa nên chị T6 trình báo đến Công an huyện A, tỉnh Gia Lai.

Như vậy tổng số tiền Mai Hữu T chiếm đoạt là 1.326.670.000 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy chục ngàn đồng). Trong đó:

- Nguyễn Hoàng Thông số tiền là 917.064.000 đồng.

- Phạm Văn D2 số tiền là 86.000.000 đồng.
- Hồ Thanh H2 số tiền là 7.500.000 đồng.
- Võ Thị Mỹ T6 số tiền là 316.170.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số: 403/KL-KTHS ngày 14/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh V. Kết luận:

- Trong điện thoại ký hiệu A1
 - + Tìm thấy và trích xuất được dữ liệu danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn (SMS, Facebook, M1), âm thanh, hình ảnh. Chi tiết thể hiện trong phụ lục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn (Z, V).
 - Trong sim dãy số 8401200233197634.
 - + Tìm thấy và trích xuất được dữ liệu danh bạ, tin nhắn SMS. Chi tiết thể hiện trong mục lục 1.7, 1.8.
 - Trong điện thoại ký hiệu A2.
 - + Tìm thấy và trích xuất được dữ liệu danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn (SMS, Facebook, M1, Z), âm thanh, hình ảnh. Chi tiết thể hiện trong phụ lục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn (V).
 - Trong dãy sim số 8401210892571210.
 - + Không tìm thấy dữ liệu.

Kèm theo kết luận giám định là 01 đĩa DVD lưu 15 phụ lục.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Recto 6.5G, màu xanh đen, kiểu máy CPN 2251 gắn sim số 0763657879.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (13 Promax) màu xanh số máy MLL 93 VN IA, số seri CK21GWYF3C, gắn sim số 0786966368.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Find X3 Pro, kiểu máy CPH 2173.
- Bà Nguyễn Thị T1 (mẹ T) nộp 484.900.000 đồng khắc phục hậu quả.
- Bị cáo Lưu Tú L nộp 100.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả.
- Bị cáo Lê Thị Thùy D nộp 15.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả.
- Ngày 08/4/2024 bà Nguyễn Thị T1 nộp 200.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho:

Anh Phạm Văn D2 số tiền 86.000.000 đồng;

Anh Hồ Thanh H2 số tiền 7.500.000 đồng;

Chị Võ Thị Mỹ T6 số tiền 106.500.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị T1 có nhận số tiền 200.000.000 đồng do T gửi cho gia đình, trong quá trình điều tra bà T1 không biết số tiền trên do T phạm tội mà có nên không xử lý.

Đối với Lý Kim L1 có đăng ký tài khoản ngân hàng số tài khoản số 060052483983 (Ngân hàng S1), T chuyển tiền nhờ L1 rút đưa cho bà T1, trong quá trình điều tra do L1 không biết T chuyển tiền nói trên từ việc phạm tội mà có nên không xử lý.

Đối với số thuê bao 0582691775 sử dụng vào máy đổi giọng. Qua xác minh thông tin cá nhân thì số thuê bao nói trên không có ai đăng ký nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm hình sự:

Nguyễn Hoàng T5, Phạm Văn D2, Hồ Thanh H2, Võ Thị Mỹ T6 yêu cầu xử lý Mai Hữu T, Lưu Tú L, Lê Thị Thùy D theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hoàng T5 yêu cầu Mai Hữu T trả số tiền 317.500.000đ.

Chị Võ Thị Mỹ T6 yêu cầu Mai Hữu T trả số tiền 209.670.000đ.

Anh Phạm Văn D2, Hồ Thanh H2 đã nhận đủ tiền nên không yêu cầu.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Mai Hữu T, Lưu Tú L và Lê Thị Thùy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày: Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố đúng hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo Mai Hữu T9 đồng ý hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo yêu cầu của bị hại Nguyễn Hoàng T5 và Võ Thị Mỹ T6. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại trình bày:

Bị hại Nguyễn Hoàng T5 yêu cầu bị cáo Mai Hữu T trả số tiền 817.064.000 đồng. Đối với số tiền hiện Cục thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long đang quản lý là 499.900.000 đồng, anh T5 yêu cầu được nhận để khấu trừ số tiền bị cáo T có trách nhiệm trả lại cho anh.

Bị hại Võ Thị Mỹ T6 yêu cầu bị cáo Mai Hữu T trả số tiền 209.670.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T1 và chị Lý Kim L1 không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân hậu quả mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Mai Hữu T, Lưu Tú L, Lê Thị Thùy D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Hữu T mức án từ 13 năm đến 15 năm tù.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Tú L mức án từ 07 năm đến 09 năm tù.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy D mức án từ 07 năm đến 09 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự đề nghị buộc bị cáo Mai Hữu T trả lại cho các bị hại số tiền như sau:

- Trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Thông s tiền 317.500.000 đồng.
- Trả lại cho ông Võ Thị Mỹ T6 số tiền 209.670.000 đồng.

Giao số tiền 499.900.000 đồng cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý (theo ủy nhiệm chi ngày 09/5/2024 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Long, đơn vị nhận tiền là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Trong đó có 484.900.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 nộp thay bị cáo T và 15.000.000 đồng do bị cáo D nộp) để bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng T5.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đề nghị tịch thu các tài sản sau để sung quỹ nhà nước gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Recto6 5G, màu xanh đen, kiểu máy CPH 2251 gắn sim số 0763657879, có dãy số 8401200233197634 (bị khóa hai chiều không kiểm tra được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (13 Promax) màu xanh, số máy MLL 93 VN/A, số seri CK21 GWYF3C, gắn sim số 0786966368, có dãy số 8401210892571210(bị khóa hai chiều không kiểm tra được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Find X3 Pro, kiểu máy CPH 2173

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo phát biểu:

1) Luật sư T7 bào chữa cho bị cáo T phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo T mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

2) Luật sư T bào chữa cho bị cáo L phát biểu: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo L. Tuy nhiên Viện kiểm sát truy tố bị cáo L theo khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là chưa có cơ sở, với các căn cứ sau: Bị cáo L chỉ đồng phạm với bị cáo T để chiếm đoạt tiền của bị hại T5, bị hại T5 chuyển tiền cho bị cáo T rất nhiều lần, theo bị cáo T thừa nhận khi nhận được khoảng 300.000.000 đồng thì bị cáo T chuyển cho bị cáo L 100.000.000 đồng. Như vậy bị cáo L chỉ bị truy tố theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là bị cáo ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nhân thân chưa tiền án, tiền sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo L mức án ở khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

3) Luật sư D1 bào chữa cho bị cáo D phát biểu: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo D. Tuy nhiên, Viện kiểm sát truy tố bị cáo D theo khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là quá nặng, bị cáo D với vai trò đồng phạm không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo D được hưởng án treo.

4) Luật sư H1 bào chữa cho bị cáo D phát biểu: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo D. Tuy nhiên theo quan điểm và đề nghị mức án đối với bị cáo D của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là quá nặng. Bị cáo D chỉ thực hiện một hành vi phạm tội duy nhất, đó là cung cấp thông tin cá nhân của bị hại T5 cho bị cáo T. Bị hại T5 có bị lừa hay không là do thủ đoạn của bị cáo T và bị cáo L. Bị cáo D phạm tội với vai trò đồng phạm không đáng kể. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 174; Điều 17; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo D mức án thấp, đầu khung hình phạt tại khoản 1 Điều 174 và cho bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo thống nhất với lời bào chữa của các luật sư và không có ý kiến tranh luận.

Qua ý kiến tranh luận giữa vị đại diện Viện kiểm sát và các luật sư bào chữa cho các bị cáo, sau cùng các bên vẫn bảo lưu ý kiến như trình bày trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng nội dung như Cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ căn cứ xác định: từ tháng 3/2022 đến ngày 28/01/2023 Mai Hữu T đã có hành vi gian dối đưa thông tin như làm lại hồ sơ trúng thưởng, yêu cầu các bị hại đóng các khoản tiền bằng hình thức chuyển khoản để chiếm đoạt tiền của 04 bị hại: Nguyễn Hoàng T5, Phạm Văn D2, Hồ Thanh H2, Võ hị M với tổng số tiền là 1.326.670.000 đồng. Trong đó, bị cáo Lưu Tú L và bị cáo Lê Thị Thùy D là đồng phạm với Mai Hữu T chiếm đoạt của Nguyễn Hoàng Thông số tiền 917.064.000 đồng.

Hành vi của bị cáo của các bị cáo Mai Hữu T, Lưu Tú L và Lê Thị Thùy D đã đủ cơ sở quy kết các bị cáo phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố hành vi của các bị cáo và lời luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến tài sản của các bị hại một cách trái pháp luật; gây mất trật tự địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Mai Hữu T tham gia vào công ty ảo do Lưu Tú L thành lập từ khoảng tháng 9/2020, hình thức hoạt động là tìm mua thông tin khách hàng trên mạng xã hội để gọi thông báo họ trúng thưởng và yêu cầu mua sản phẩm để nhận thưởng nhằm mục đích bán sản phẩm và hưởng tiền chênh lệch. Sau một thời gian, bị cáo T nảy sinh ý định giả danh là nhân viên ngân hàng, hứa giúp khách hàng làm hồ sơ giải ngân để nhận lại số tiền và yêu cầu khách hàng đóng các khoản phí để chiếm đoạt. Bị cáo D cung cấp thông tin của bị hại Nguyễn

Hoàng T5 để cho bị cáo T và L trực tiếp gọi cho anh T5 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T5. Ngoài ra, bị cáo T còn tự mình thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác đối với bị hại Phạm Văn D2, Hồ Thanh H2, Võ hị Mỹ T.

Bản thân các bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập chính đáng cho bản thân và gia đình nhưng vì động cơ vụ lợi cho bản thân, thích hưởng thụ, lại lười lao động, nên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện các bị cáo xem thường tài sản người bị hại và xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Trong vụ án này có hành vi đồng phạm nhưng tích chất giản đơn, bị cáo T là người chủ mưu, trực tiếp khởi xướng yêu bị cáo D cung cấp thông tin khách hàng, sau đó bị cáo T và bị cáo L đưa ra nhiều thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại nên hành vi của bị cáo T cần xử lý nghiêm. Bị cáo L đồng phạm là người giúp sức tích cực cho bị cáo T nhưng số tiền hưởng lợi không lớn; bị cáo D đồng phạm với vai trò không đáng kể. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo để có hình phạt tương xứng nhằm để giáo dục các bị cáo trở thành người hữu ích và nhằm ngăn chặn, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo L và bị cáo D không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L và bị cáo D đã nộp lại toàn bộ số tiền mà các bị cáo được hưởng lợi, bị cáo T đã tác động gia đình nộp một phần số tiền bồi thường cho phía bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án tiền sự, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L và bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử lý hai bị cáo.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Anh Nguyễn Hoàng T5 yêu cầu bị cáo T trả số tiền 817.064.000 đồng. Đối với số tiền mẹ bị cáo T và bị cáo D nộp để khắc phục hậu quả hiện Cục thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long đang quản lý là 499.900.000 đồng anh T5 yêu cầu được nhận để khấu trừ số tiền bị cáo T có trách nhiệm trả lại cho anh.

Chị Võ Thị Mỹ T6 yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 209.670.000 đồng.

Bị cáo T đồng ý với yêu cầu này của các bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

Giao số tiền 499.900.000 đồng cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý (theo ủy nhiệm chi ngày 09/5/2024 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Long, đơn vị nhận tiền là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Trong đó có 484.900.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 nộp thay bị cáo T và 15.000.000 đồng do bị cáo D nộp) để bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng T5.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong quá trình điều tra có thu giữ các tài sản của bị cáo T, đây là công cụ phương tiện bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Recto6 5G, màu xanh đen, kiểu máy CPH 2251 gắn sim số 0763657879, có dãy số 8401200233197634 (bị khóa hai chiều không kiểm tra được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (13 Promax) màu xanh, số máy MLL 93 VN/A, số seri CK21 GWYF3C, gắn sim số 0786966368, có dãy số 8401210892571210(bị khóa hai chiều không kiểm tra được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Find X3 Pro, kiểu máy CPH 2173

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận như nhận định trên.

[8] Quan điểm của các vị luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận như đã nhận định. Đối với đề nghị cho bị cáo D hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo D hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận.

[9] Về án phí: các bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo T còn có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Hữu T, Lưu Tú L và Lê Thị Thùy D phạm tội:
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

1.1 Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Hữu T mức án 13 (Mười ba) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/4/2023

1.2 Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lưu Tú L mức án 07 (Bảy) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/01/2024

1.3 Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thùy D mức án 03 (Ba) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 13/3/2024.

2. Về bồi thường thiệt hại: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Mai Hữu T phải tiếp tục hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại gồm:

Trả cho anh Nguyễn Hoàng Thông số tiền 817.064.000 đồng (*Tám trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn*)

Trả lại cho chị Võ Thị Mỹ T6 số tiền 209.670.000 đồng (*Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn*)

Giao số tiền 499.900.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn*) cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý (theo ủy nhiệm chi ngày 09/5/2024 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Long, đơn vị nhận tiền là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Trong đó có 484.900.000 đồng do bà Nguyễn Thị T1 nộp thay bị cáo T và 15.000.000 đồng do bị cáo D nộp) để bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng T5.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu các tài sản sau để sung quỹ nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Recto6 5G, màu xanh đen, kiểu máy CPH 2251 gắn sim số 0763657879, có dãy số 8401200233197634 (bị khóa hai chiều không kiểm tra được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (13 Promax) màu xanh, số máy MLL 93 VN/A, số seri CK21 GWYF3C, gắn sim số 0786966368, có dãy số 8401210892571210(bị khóa hai chiều không kiểm tra được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Find X3 Pro, kiểu máy CPH 2173

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Mai Hữu T, Lưu Tú L và Lê Thị Thùy D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Mai Hữu T phải nộp và 26.341.700 đồng (*Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- VP CQCSĐT CATVL: 01;
- PHÒNG HS CATVL: 01;
- CỤC THADS TVL: 01;
- SỞ TƯ PHÁP: 01;
- THAHS CATVL: 01;
- TTG, BỊ CÁO: 06;
- BH, NLQ, NBC:10;
- UBND XÃ, PHƯỜNG,
- THỊ TRẤN: 03;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm

- PKTNV + THCTP: 02;
- BNC: 01;
- LUU: 06.